

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

TP. Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2010

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ.....	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ	5
CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 2. Tên gọi của Công ty	6
Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty	6
Điều 4. Hình thức sở hữu - tư cách pháp nhân	6
Điều 5. Mục tiêu, phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty	6
Điều 6. Thời gian hoạt động	7
Điều 7. Nguyên tắc tổ chức - hoạt động	7
Điều 8. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	8
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	8
Điều 9. Quyền của Công ty	8
Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty	9
CHƯƠNG IV: VỐN HOẠT ĐỘNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - TRÁI PHIẾU	10
MỤC 1: VỐN HOẠT ĐỘNG	10
Điều 11. Vốn hoạt động	10
Điều 12. Vốn điều lệ	13
MỤC 2: CỔ PHẦN	11
Điều 13. Cổ phần	11
Điều 14. Chào bán cổ phần	11
Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 16. Thừa kế cổ phần	12
Điều 17. Mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại	12
Điều 18. Thu hồi cổ phần	13
MỤC 3: CỔ PHIẾU - TRÁI PHIẾU	13
Điều 19. Cổ phiếu	13
Điều 20. Cổ phiếu quỹ	14
Điều 21. Trái phiếu Công ty	14
Điều 22. Chứng chỉ chứng khoán khác	18
Điều 23. Niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán	14
MỤC 4: CỔ ĐÔNG	15
Điều 24. Quy định chung về cổ đông	15
Điều 25. Quyền của cổ đông	16
Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông	17
Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty	17

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC - QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH - KIỂM SOÁT	18
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY.....	18
Điều 28. Cơ cấu tổ chức của Công ty	18
Điều 29. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	18
MỤC 2: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
Điều 30. Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 33. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty	Error! Bookmark not defined.
Điều 34. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 35. Cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 36. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 37. Việc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 38. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 39. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 40. Chương trình và thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 41. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 43. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ	26
Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 46. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 47. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 49. Việc khuyết thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 50. Việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.....	31
Điều 51. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	32
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	33
Điều 52. Tổng Giám đốc.....	33
Điều 53. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc.....	33
Điều 54. Quyền và trách nhiệm của Tổng Giám đốc.....	33
Điều 55. Việc ủy quyền - ủy nhiệm của Tổng Giám đốc	34
Điều 56. Việc từ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc	34
Điều 57. Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc.....	34
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 58. Thành phần và nhiệm kỳ.....	35
Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 60. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	35

Điều 61.	Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	36
Điều 62.	Quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát.....	37
Điều 63.	Hoạt động của Ban kiểm soát	38
CHƯƠNG VI: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ CỦA CÔNG TY		38
Điều 64.	Quyền được cung cấp thông tin	38
Điều 65.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	38
CHƯƠNG VII: CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG..		39
Điều 66.	Chế độ và quyền lợi của người lao động.....	39
CHƯƠNG VIII: KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH.....		39
MỤC I: KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH		40
Điều 67.	Năm tài chính.....	39
Điều 68.	Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 69.	Hệ thống kế toán	40
Điều 70.	Kiểm toán.....	40
Điều 71.	Báo cáo hàng năm.....	40
Điều 72.	Công bố thông tin.....	40
MỤC II: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ		41
Điều 73.	Phân chia lợi nhuận.....	41
Điều 74.	Cổ tức.....	41
Điều 75.	Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.....	42
CHƯƠNG IX: TRANH CHẤP - TỔ TỤNG.....		42
Điều 76.	Tranh chấp, tố tụng	42
Điều 77.	Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.....	42
CHƯƠNG X: TỔ CHỨC LẠI - KẾT THÚC HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ		42
Điều 78.	Tổ chức lại	42
Điều 79.	Kết thúc hoạt động	43
Điều 80.	Thanh lý tài sản.....	43
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC		44
Điều 81.	Điều khoản thi hành	44
Điều 82.	Con dấu	44
Điều 83.	Thế thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	44
Điều 84.	Ngày hiệu lực.....	44
Điều 85.	Quyền giải thích Điều lệ	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn (dưới đây gọi là Công ty), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều lệ, các Quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập tổ chức vào ngày 15 tháng 09 năm 2010.

CHƯƠNG I GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. "*Công ty*" là Công ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn.
 - b. "*Vốn điều lệ*" là vốn do tất cả Cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này.
 - c. "*Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn.
 - d. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
 - e. "*Người có liên quan*" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "*Pháp luật*" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 2008.
 - g. "*Người quản lý*" là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của Công ty.
 - h. "*Cổ đông*" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - i. "*Cổ đông sáng lập*" là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty và quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.
 - j. "*Ngày thành lập*" là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - k. "*Người đại diện*" là "người đại diện phần vốn nhà nước", "người đại diện theo ủy quyền" hoặc "người đại diện của cổ đông cá nhân".
 - "*Người đại diện phần vốn nhà nước*" là cá nhân được cổ đông là các doanh nghiệp nhà nước ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.
 - "*Người đại diện theo ủy quyền*" là cá nhân được cổ đông là tổ chức khác của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu tới cũng sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện cho theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ

này.

4. Các từ hoặc ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. Tên gọi của Công ty

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:

SAIGON PORT SERVICES AND STEVEDORE JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **SASTECO**

Công ty được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, biểu tượng và con dấu riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty

1. Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 1B Trương Đình Hội, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
2. Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 4. Hình thức sở hữu - tư cách pháp nhân

1. Công ty là công ty cổ phần được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công ty có vốn góp chi phối của Nhà nước do Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn làm đại diện sở hữu. Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu và quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty thuộc sở hữu của các cổ đông và:
 - Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước; được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Hạch toán kinh tế độc lập; tự chủ về tài chính; có bảng cân đối kế toán riêng; tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh và được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.

Điều 5. Mục tiêu, phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động:
 - Tối ưu hóa lợi nhuận.
 - Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông.

- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động.
 - Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
 - Đóng góp cho ngân sách Nhà nước.
2. Phạm vi hoạt động:
- Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Ngành nghề kinh doanh:
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Dịch vụ đóng gói. Dịch vụ vệ sinh tàu biển. Dịch vụ cung ứng tàu biển: Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư chôn lút, ngăn cách hàng. Đại lý. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thịt trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ rau quả trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hòa tan, chè.. Kinh doanh dịch vụ logistics. Sửa chữa máy móc thiết bị. Nhà hàng. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải. Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác.
- Trong thời gian hoạt động, Công ty có thể đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác tùy theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Thời gian hoạt động

1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.
2. Quy định nói tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định tại Chương X Điều lệ này hoặc bị cấm hoạt động, bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức - hoạt động

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của Công ty trong phần vốn của mình đã góp vào Công ty.
3. Các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm riêng của mỗi cổ đông độc lập hoàn toàn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty, cho dù được phát sinh trước hay sau khi Công ty được thành lập.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
5. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để giám sát việc quản lý và điều hành Công ty.
6. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo trình tự thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 8. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

**CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

Điều 9. Quyền của Công ty

1. Tự chủ trong kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết các hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước.
4. Tuyển chọn, thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, kỷ luật, cho thôi việc đối với lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác đối với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
5. Chủ động đổi mới công nghệ, trang thiết bị và áp dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của Công ty.
6. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh; thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty.
7. Sử dụng và quản lý các tài sản Nhà nước giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định về đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
8. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
9. Được cầm cố, thế chấp các tài sản, giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.
10. Thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các công ty khác theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản lý tài chính của Công ty, điều lệ của các công ty có vốn góp theo quy định của pháp luật.
11. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty; phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các công ty thành viên trực thuộc nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
12. Thành lập mới các công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty cổ phần, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty hoạt động trong nước hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật.
13. Kinh doanh những ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đăng ký thay đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác tùy theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
14. Tự chủ quyết định các công việc nội bộ của Công ty.
15. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.

16. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.
17. Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh.
18. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
19. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.
20. Thực hiện khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
21. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
22. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty; được sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật.
23. Phát hành, chuyển nhượng, mua lại hoặc bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật.
24. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ, phù hợp với pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
25. Trích khấu hao tài sản cố định, theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do Chính phủ quy định.
26. Có quyền sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.
27. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.
4. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
5. Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin theo mẫu được quy định và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo không chính xác, không đầy đủ thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.
7. Bảo toàn và phát triển vốn.
8. Chịu trách nhiệm vật chất hữu hạn đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.
9. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ.
10. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
11. Tổ chức thực hiện các hợp đồng đã ký với đối tác.

12. Chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
13. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.
14. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá khách quan và đúng đắn về hoạt động của Công ty.
15. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IV

VỐN HOẠT ĐỘNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - TRÁI PHIẾU

MỤC 1

VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Công ty gồm có:

1. Vốn điều lệ đã góp.
2. Vốn vay: Công ty được vay vốn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các pháp nhân khác, cá nhân trong nước và ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các quy định của pháp luật.
3. Vốn huy động: Công ty được huy động vốn bằng hình thức phát hành trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi và những hình thức huy động vốn khác theo các quy định của pháp luật.
4. Vốn tiếp nhận: Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để bổ sung cho vốn hoạt động theo các quy định của luật pháp hiện hành.
5. Vốn tích lũy: Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, được dùng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh, liên kết với các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định theo giá trị bằng tiền Việt Nam là **40.500.000.000** đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng).
2. Vốn điều lệ của Công ty được hình thành từ việc các cổ đông góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản hay các hiện vật khác dưới hình thức chuyển quyền sở hữu cho Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Giá trị tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động phải được một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các nguồn tiền, tài sản do các cổ đông tự nguyện góp cổ phần vào Công ty.
3. Khi cần thiết, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách trích một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận sau thuế vào vốn điều lệ hoặc phát hành cổ phiếu mới theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
4. Trong trường hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị thua lỗ, nhưng đạt hiệu quả kinh doanh thấp, Công ty buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, các cổ đông có thể được hoàn trả một phần vốn góp sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Công ty công bố công khai vốn điều lệ tại thời điểm thành lập và khi có sự thay đổi. Việc tăng giảm vốn điều lệ của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.

6. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động:
 - Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật, công nghệ, nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vốn thành lập các công ty con hoặc thực hiện các hình thức đầu tư tài chính khác.
 - Dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
7. Vốn điều lệ không được phép sử dụng để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật.

MỤC 2

CỔ PHẦN

Điều 13. Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, một (01) cổ phần có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Các cổ phần cùng loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

Tổng số lượng cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là **4.050.000** cổ phần (Bốn triệu không trăm năm mươi ngàn cổ phần).
2. Công ty có quyền xác lập và phát hành cổ phần ưu đãi khác bao gồm: cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi cổ tức, các loại cổ phần ưu đãi khác phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Tại thời điểm thành lập, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mọi quy định về cổ phần phổ thông và cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Công ty thực hiện chào bán cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc chào bán cổ phần bằng cách phát hành chứng khoán ra công chúng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại điểm a, b, c, khoản 1 Điều 87 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, khoản 2, Điều 87 của Luật Doanh nghiệp.
4. Việc mua, bán cổ phần được coi là hoàn tất thủ tục khi đã được thanh toán đầy đủ và những thông tin về người mua cổ phần được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần đó trở thành cổ đông của Công ty.
5. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không có chứng chỉ cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông phải được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần

1. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.
2. Cổ phần phổ thông của các cổ đông khác chỉ được tự do chuyển nhượng kể từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trừ trường hợp được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
4. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào nếu việc chuyển nhượng trái với Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 16. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời thì số cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông đó được phân định theo quy định của pháp luật về thừa kế. Người thừa kế hoặc đại diện của những người thừa kế hợp pháp các cổ phần được thừa kế phải thực hiện các thủ tục đăng ký lại với Công ty để xác nhận là cổ đông mới của Công ty và được hưởng mọi quyền lợi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền trong phạm vi số cổ phần được nhận thừa kế.
2. Công ty không có trách nhiệm giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông là tổ chức đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 17. Mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:
Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại Điều 91 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
 - Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán và lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại điểm này.
 - Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:
 - Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
 - Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc trả cổ tức đối với số cổ phần mua lại trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty đối với phần không hoàn trả.

- Cổ phần mua lại theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
- Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 18. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Điều này và trong các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần sau khi bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức do Hội đồng quản trị quy định.
5. Cổ đông sở hữu các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với số tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi; Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

MỤC 3

CỔ PHIẾU - TRÁI PHIẾU

Điều 19. Cổ phiếu

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu.
2. Trường hợp Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ thì cổ phiếu có 02 loại là chứng chỉ cổ phiếu ghi tên và chứng chỉ cổ phiếu không ghi tên.
 - a. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi tên chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
 - b. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi tên trong một cổ phiếu ghi tên, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
 - c. Cổ đông sở hữu chứng chỉ cổ phiếu không ghi tên sẽ chịu trách nhiệm trong việc quản lý an toàn chứng chỉ cổ phiếu. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng chứng chỉ cổ phiếu gian lận.
 - d. Hội đồng quản trị quyết định đối tượng sở hữu loại cổ phiếu ghi tên và không ghi tên.
3. Trường hợp Công ty xác nhận quyền sở hữu cổ phần bằng bút toán ghi sổ thì Công ty sẽ phát

hành Sổ chứng nhận cổ phiếu hoặc không phát hành Sổ chứng nhận cổ phiếu.

4. Cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ phiếu có các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 85 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật. Đối với cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần ưu đãi, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi các nội dung khác theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Doanh nghiệp.
5. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp cổ phiếu.
6. Nếu hình thức và hoặc nội dung cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành có sai sót thì quyền và lợi ích của người sở hữu không bị ảnh hưởng. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do sai sót đó gây ra đối với Công ty.
7. Nếu cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu mới hoặc Sổ chứng nhận cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải có nội dung quy định tại điểm a, b khoản 3, Điều 85 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Cổ phiếu quỹ

1. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp.
2. Điều kiện, trình tự mua, bán và quản lý cổ phiếu quỹ trong Công ty được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 21. Trái phiếu Công ty

1. Tùy theo nhu cầu tài chính của Công ty, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường, Công ty có thể phát hành trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại trái phiếu, các điều kiện của trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
3. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là loại trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty khi Công ty có nhu cầu phát hành thêm cổ phần hoặc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Khi công ty phát hành thêm cổ phần mới, quyền ưu tiên được mua cổ phần của chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi chỉ sau các cổ đông của Công ty.
5. Trái phiếu của Công ty có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Nếu Công ty phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán, việc phát hành sẽ tuân theo các quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 22. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 23. Niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán

1. Công ty tiến hành niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và thông qua các nội dung cơ bản trong đơn đề nghị niêm yết hoặc

đăng ký giao dịch chứng khoán gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

MỤC 4

CỔ ĐÔNG

Điều 24. Quy định chung về cổ đông

1. Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài nếu sở hữu hợp pháp một hay nhiều cổ phần của Công ty đều là cổ đông của Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
3. Cổ đông sáng lập:
 - a. Cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:
 - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn;
 - Nhà đầu tư chiến lược;
 - Tổ chức có người đại diện trúng cử vào Hội đồng quản trị của Công ty;
 - Các thành viên Hội đồng quản trị khác đồng thời là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp thành viên đó là người đại diện của tổ chức đã cử người tham gia Hội đồng quản trị.
 - b. Danh sách cổ đông sáng lập được đính kèm Điều lệ này và là phần không tách rời của Điều lệ.
 - c. Các quy định về cổ đông sáng lập như sau:
 - Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần được quyền chào bán của Công ty tại thời điểm thành lập.
 - Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2, Điều 84 Luật Doanh nghiệp.
 - Cổ đông sáng lập của Công ty đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - + Cổ đông cá nhân chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - + Cổ đông tổ chức bị giải thể, phá sản.
4. Người đại diện của tổ chức:
 - a. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Trong trường hợp một cổ đông tổ chức mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị Công ty các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành.
 - c. Trường hợp cổ đông tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
Công ty phải gửi thông báo về người đại diện quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.
5. Người đại diện của cổ đông cá nhân:
 - a. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành

vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc ủy quyền đều phải thực hiện bằng văn bản theo các quy định của pháp luật.

- b. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của nhóm cổ đông này bằng văn bản.
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 25. Quyền của cổ đông

Cổ đông của Công ty thực hiện quyền sở hữu đối với Công ty tương ứng với số lượng và loại cổ phần mà mình sở hữu và có các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này.

Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của từng cổ đông.
4. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông của Công ty theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
5. Thừa kế cổ phần theo như quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp.
6. Được nhận thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty.
7. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
8. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
9. Ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác tham dự họp, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
10. Nhận một phần tài sản còn lại (nếu có) theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và trả cho cổ đông ưu đãi trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản.
11. Giám sát, phê bình, chất vấn và kiến nghị về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty.
12. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên **10%** số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên ngoài các quyền quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều này còn có các quyền:
 - a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại khoản 1 Điều 44 và Điều 58 của Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu bằng văn bản phải có tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số quyết định thành lập hoặc đăng ký, số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
13. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông của Công ty có nghĩa vụ:

1. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định trên thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, uy tín, bí mật kinh doanh và tài sản của Công ty.
7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - a. Vi phạm pháp luật.
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ xấu về tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty

1. Công ty lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Nội dung của Sổ đăng ký cổ đông của Công ty phải ghi nhận đúng và đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 2, Điều 86 Luật Doanh nghiệp.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày cổ đông có được tỷ lệ sở hữu đó.

CHƯƠNG V
TỔ CHỨC - QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH - KIỂM SOÁT

MỤC 1
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Điều 28. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc;
5. Bộ máy giúp việc và các bộ phận khác.

Điều 29. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 2
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 30. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Quyết định người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các cổ phần ưu đãi khác;

- d. Quyết định việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông;
- e. Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập và nhà đầu tư chiến lược trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Chấp thuận cho ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- k. Quyết định mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị;
- l. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- m. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty; Quyết định hình thức góp vốn vào Công ty;
- n. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Hội đồng quản trị triệu tập trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 3 Điều 49 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 35 Điều lệ này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- a. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12 Điều 25 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- 4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - b. Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu;
 - c. Xác định thời gian và địa điểm họp;

- d. Gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện hợp lệ sẽ được Công ty chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất **65%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm tương ứng dự họp cho lần triệu tập thứ nhất.
2. Trong trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp lần thứ nhất, thì cuộc họp thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm tương ứng.
3. Trong trường hợp cuộc họp lần thứ hai không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp lần thứ hai, cuộc họp lần thứ ba được triệu tập trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 33. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo tài chính hàng năm; Phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
4. Phương hướng, nhiệm vụ đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, trung hạn và dài hạn của Công ty;
5. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông;
6. Việc tăng, giảm vốn điều lệ;
7. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
8. Việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông;
9. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 3 (ba) năm đầu tiên kể từ thời điểm thành lập.
10. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
11. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
12. Chấp thuận cho ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
13. Chấp thuận cho ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp;
14. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty;
15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty;

16. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
17. Thông qua các kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
18. Quyết định biện pháp giải quyết các biến động lớn về tài chính và những vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty;
19. Tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty;
20. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông

1. Các trường hợp phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên quy định tại khoản 3, Điều 49 Điều lệ này;
 - c. Một cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12 Điều 25 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông yêu cầu;
 - d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
2. Các vấn đề thảo luận và thông qua tại cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Quyết định các vấn đề cấp bách, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty;
 - b. Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát vì những lý do đặc biệt;
 - c. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
 - d. Xử lý các vấn đề cấp bách khác.

Điều 35. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 36. Việc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp hoặc theo thông báo của Công ty.
2. Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
3. Trong trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Người được ủy quyền được nhân danh cổ đông ủy quyền tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông đã ủy quyền, phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Người được ủy quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
6. Người được ủy quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp.
7. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
8. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khai mạc.
9. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền.

Tuy nhiên, khoản này sẽ không được áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, trụ sở, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu Công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang tin thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 39. Chương trình và thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm việc theo chương trình nghị sự đã công bố. Trong trường hợp họp triệu tập lần thứ hai, lần thứ ba, Đại hội vẫn giữ nguyên chương trình nghị sự đã công bố cho lần triệu tập thứ nhất. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình nghị sự đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12 Điều 25 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị khi:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Những trường hợp khác quy định tại bản Điều lệ này.
3. Trường hợp cổ đông không đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì có thể gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và trong trường hợp này được coi là dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 4. Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự cuộc họp, lập danh sách hiện diện (ghi rõ số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu).
 5. Cuộc họp thường niên hoặc cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban kiểm soát triệu tập thì Trưởng Ban kiểm soát làm chủ tọa. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 6. Chủ tọa cử Ban thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 7. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
 8. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
 9. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 40. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:
 - a. Thông qua Điều lệ Công ty lần đầu;
 - b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - c. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

- d. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty.

Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty và được sự nhất trí của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản này.

- 3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện theo đúng quy định.
- 5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải làm các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình quyết định gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Phiếu lấy ý kiến có nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 105 Luật Doanh nghiệp;
- b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

- c. Kiểm phiếu, lập biên bản kết quả kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5, Điều 105 Luật Doanh nghiệp;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- d. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và

tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

- f. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Nghị quyết, quyết định được thông qua tại các kỳ họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ có hiệu lực bắt buộc vô điều kiện đối với mọi cổ đông của Công ty, cho dù cổ đông đó vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - g. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - h. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - j. Chủ tọa và thư ký;
 - k. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - l. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - m. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - n. Các quyết định đã được thông qua;
 - o. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

MỤC 3

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị gồm **05** (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, các thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hằng ngày của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.
5. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Điều kiện ứng cử, đề cử:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ 10% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung đơn đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông, tên ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị, chữ ký của người đề cử và người được đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Thường trú tại Việt Nam;
 - b. Là cổ đông và/hoặc người đại diện của cổ đông của Công ty;
 - c. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - e. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

Điều 45. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, cụ thể quyền

hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị như sau:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
4. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
5. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
6. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
7. Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán chuyển đổi của Công ty;
8. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
9. Quyết định đối tượng sở hữu cổ phiếu ghi tên và không ghi danh;
10. Xem xét, quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi danh;
11. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
12. Quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
13. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư và bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
14. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
15. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng và giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
16. Quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc theo từng thời kỳ;
17. Đề xuất việc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
18. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
19. Quyết định việc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc thì mức lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
21. Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức trưởng, phó các phòng ban, bộ phận, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
22. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi những người này gây thiệt hại cho Công ty;
23. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
24. Quyết định việc thay đổi trụ sở làm việc của Công ty;
25. Quyết định thành lập và giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
26. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

27. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
28. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
29. Có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và/hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
30. Xem xét báo cáo của Tổng Giám đốc khi cần thiết và yêu cầu Tổng Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và của cổ đông;
31. Xem xét và giải quyết các khiếu nại liên quan đến Người quản lý Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chồng lại cán bộ quản lý đó;
32. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ của Công ty;
33. Tổ chức định giá tài sản góp vốn vào Công ty không phải bằng tiền;
34. Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
35. Hội đồng quản trị không được phép trực tiếp hay gián tiếp cho vay, cho mượn tài sản của Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng sau:
 - a. Cổ đông của Công ty;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty;
 - c. Các doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đó đang là cổ đông của Công ty.
35. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
36. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.
37. Quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 46. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:
 - a. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị: Được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó, thành viên có số phiếu bầu cao nhất phải triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên tiến hành bầu một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để triệu tập họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền.
 - b. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị: Do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp định kỳ 03 (ba) tháng một lần và khoảng cách thời gian giữa 2 kỳ họp không được quá 04 (bốn) tháng.
 - c. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi nhận được văn bản đề nghị của một trong số các đối tượng sau đây:
 - Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - Ban kiểm soát.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu

trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- d. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
2. Địa điểm họp: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
3. Thông báo và chương trình họp:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực khởi tố. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề cần thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên tại cuộc họp và phiếu bầu cho những thành viên không thể dự họp.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
4. Việc ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị:
 - a. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Người được ủy quyền thực hiện các quyền, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp theo như giấy ủy quyền.
 - c. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản do thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền và người được ủy quyền ký, gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

Trường hợp ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị, giấy ủy quyền phải được gửi tới Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chậm nhất 01 (một) ngày trước ngày họp dự kiến, Hội đồng quản trị phải thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ủy quyền dự họp của thành viên Hội đồng quản trị và nêu rõ lý do không chấp thuận.
 - d. Việc ủy quyền dự họp của thành viên Hội đồng quản trị chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
5. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 04 (bốn) thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền.
6. Những người được mời dự thỉnh cuộc họp của Hội đồng quản trị:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết trừ bản thân họ có quyền được biểu quyết.
 - b. Hội đồng quản trị có thể mời những Người quản lý Công ty khác hoặc các chuyên gia của một bên thứ ba nào đó tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị. Những người được mời tham dự cuộc họp theo quy định tại khoản này được quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp.
7. Các hình thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp hoặc hỏi ý kiến bằng văn bản thông qua thư, điện báo, fax hoặc hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

- a. Quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:
- Hình thức tổ chức cuộc họp: Hội đồng quản trị có thể tổ chức cuộc họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên Hội đồng quản trị, theo đó tất cả các thành viên tham gia họp cùng ở một địa điểm hoặc ở những địa điểm khác nhau và đều có thể nghe và phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên tại cuộc họp có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp những phương tiện này. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo hình thức này được coi là diễn ra tại một địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị có mặt đông nhất hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.
 - Biểu quyết tại cuộc họp:
 - + Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - + Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - + Trong cuộc họp Hội đồng quản trị, khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - + Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - + Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 - Thông qua quyết định: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Quyết định của Hội đồng quản trị khi lấy ý kiến bằng văn bản:
- Quyết định của Hội đồng quản trị khi lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết về quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
8. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó tại cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức gần nhất sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
9. Biên bản cuộc họp:
- a. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi trong biên bản; Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng

xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.

- c. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.
- d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 45 Điều lệ này;
 - Có đơn xin từ chức;
 - Chết, mất trí, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù;
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu tháng) liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc được phép của Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông là tổ chức do người này đại diện kết thúc hoạt động;
 - Mất tư cách đại diện cho cổ đông là tổ chức;
 - Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Việc khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông là tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại khoản 2 Điều 44 Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 49. Việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho quyền lợi của các cổ đông của Công ty trước pháp luật.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam, do Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
 - c. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
 - d. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Lãnh đạo hoạt động của Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các hoạt động hàng ngày của Hội đồng quản trị trong thời gian giữa 02 cuộc họp thường kỳ;
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Lập chương trình công tác và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty và quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.

2. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp này, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công.
- b. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
 - Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
 - Thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;
 - Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Đại diện Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 50. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được trả thù lao và lợi ích khác theo quy định sau:
 - a. Được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên; Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị, nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
 - b. Được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà thành viên đó chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện bằng mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

MỤC 4

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 51. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác. Tổng Giám đốc không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc được trả tiền lương, tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty phải là người:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, 03 (ba) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hiểu biết pháp luật, có sức khỏe phù hợp với chức vụ được giao;
 - c. Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của tổ chức nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty.
 - d. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.
2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị căn cứ những điều kiện nói trên xem xét, bỏ phiếu tuyển chọn theo nguyên tắc đa số chấp thuận.

Điều 53. Quyền và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
5. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh theo kỳ của Công ty;
6. Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
7. Trình Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức trưởng, phó các phòng ban, bộ phận, giám đốc đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty trừ các chức danh

thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức các chức danh nêu tại khoản 7 Điều này và các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
9. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
10. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị; Khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật lao động;
11. Ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;
12. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
13. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty;
14. Bảo đảm các điều kiện và phương tiện phục vụ cho việc hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và việc thực thi quyền và nghĩa vụ của cổ đông;
15. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông giao;
16. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
17. Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 54. Việc ủy quyền - ủy nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 55. Việc từ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc

1. Khi muốn từ nhiệm, Tổng Giám đốc phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.
2. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Chết, mất trí, mất năng lực hành vi dân sự;
 - Tự ý bỏ nhiệm sở từ 15 ngày trở lên.
3. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị trong những trường hợp không đáp ứng các yêu cầu đặt ra của Hội đồng quản trị đối với nhu cầu sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi miễn, mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 56. Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc

1. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị về phạm vi công việc phân công ủy quyền. Công ty có thể có đến 03 (ba) Phó Tổng Giám đốc.
2. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế

toán trong toàn Công ty.

3. Giám đốc Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc là người điều hành trực tiếp các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công.
4. Các Trưởng, Phó phòng, ban chuyên môn là người giúp Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc công việc hàng ngày.

MỤC 5

BAN KIỂM SOÁT

Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động quản lý và điều hành Công ty.
2. Ban kiểm soát Công ty gồm **03** (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn theo phương thức bầu dồn phiếu.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Điều kiện ứng cử, đề cử:
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ 10% đến 30% tổng số cổ phần được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên;
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên;
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử 03 (ba) ứng cử viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung đơn đề cử ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông, tên ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát, chữ ký của người đề cử và người được đề cử.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Thường trú tại Việt Nam;
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
4. Trưởng Ban kiểm soát phải có trình độ đại học, am hiểu nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
5. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.

Điều 59. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức, các thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Ban kiểm soát. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản xin từ chức hoặc từ nhiệm, Ban kiểm soát phải họp để xem xét quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3, Điều 59 Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
5. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì số thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một người thay thế cho đến khi bầu thêm đủ số thành viên Ban kiểm soát như quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
6. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Ban kiểm soát trao đổi với Hội đồng quản trị tạm thời cử người thay thế ngay cho đến khi triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 60. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng lĩnh vực và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm như sau:
 - a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm;
 - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - d. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - g. Xem xét các khuyến cáo của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - h. Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - i. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12 Điều 25 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải

báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;

- j. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - k. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - l. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 60 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - m. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - n. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - o. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau:
- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm a, b, c và d, khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;
Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c, khoản 4, Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty;
 - e. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - f. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 61. Quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 62. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát.
2. Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.
3. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 2 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong cuộc họp là 2 (hai) người.
4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi vào biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI

**QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN
VÀ ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ CỦA CÔNG TY**

Điều 63. Quyền được cung cấp thông tin

1. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các cán bộ quản lý của đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty.
 - Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
2. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát:
 - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 64. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12 Điều 25 Điều lệ này đều có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của Giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu giữ giấy tờ này.

CHƯƠNG VII

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 65. Chế độ và quyền lợi của người lao động

1. Chế độ tuyển dụng:

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế có liên quan của Công ty.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:

Người lao động làm việc có thời hạn từ 03 tháng trở lên sẽ được hưởng mọi chế độ lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật, đối với người lao động làm việc thời vụ dưới 03 tháng sẽ không thực hiện nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

CHƯƠNG VIII

KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

MỤC I

KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Điều 66. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
3. Kỳ kế toán quý là 3 tháng, tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

Điều 67. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu thấy cần thiết.
3. Công ty thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch tiền tệ theo quy định thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
4. Tổng Giám đốc quyết định mở, chấm dứt hoạt động, sử dụng các tài khoản của Công ty tại ngân hàng.

Điều 68. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán của Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ một hệ thống kế toán nào được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 69. Kiểm toán

1. Tại kỳ họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông quyết định chọn hoặc ủy quyền để Hội đồng quản trị chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho Công ty.
Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Công ty và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán Công ty có thể được mời tham dự bất kỳ cuộc họp nào của Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và thông tin khác liên quan đến vấn đề kiểm toán Công ty.

Điều 70. Báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
 - Báo cáo tài chính;
 - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - Các báo cáo khác về tài chính theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan có thẩm quyền.Các báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít nhất trước 15 ngày của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Sau Đại hội, các văn bản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty theo luật định.

Điều 71. Công bố thông tin

1. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được nộp cho cơ quan có thẩm quyền và công bố ra công chúng theo quy định của pháp luật.
2. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi đến các cổ đông.
3. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

MỤC II

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ

Điều 72. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế vào cuối mỗi năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:

1. Quỹ dự phòng tài chính: Trích ít nhất 5% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính cho đến khi số tiền của quỹ này bằng 25% vốn điều lệ của Công ty.
2. Các quỹ khác như Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ Hội đồng quản trị và các Quỹ khác mức trích do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ, được chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần góp vốn.

Điều 73. Cổ tức

1. Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
2. Cổ tức được chia theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi đến cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo sẽ có nội dung như luật định.
4. Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng lại cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
5. Tùy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn quý hoặc 6 tháng.
6. Trường hợp có các quyền khác đi kèm theo bất kỳ một cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phần đó có quy định khác đi, mức cổ tức của cổ phần chưa được thanh toán hết trong thời gian trả cổ tức được tính theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó tại thời điểm trả cổ tức.
7. Công ty không trả lãi cho bất kỳ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.
8. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, cổ phần và/hoặc tài sản khác của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đăng ký của cổ đông thụ hưởng hoặc bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của các cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
9. Trường hợp cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thì việc thanh toán cổ tức được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
10. Hội đồng quản trị thông qua quyết định của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc các tài liệu khác. Ngày khóa sổ có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc

chứng khoán liên quan.

Điều 74. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau (việc chuyển lỗ chỉ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan), đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

**CHƯƠNG IX
TRANH CHẤP - TỔ TỤNG**

Điều 75. Tranh chấp, tố tụng

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi xảy ra tranh chấp, tố tụng.
2. Tổng Giám đốc là người đại diện của Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục pháp lý và tranh chấp, tố tụng tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các vụ tố tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại với các cơ quan quản trị hoặc điều hành của Công ty nhằm đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu khiếu nại bị bỏ qua thì cổ đông có thể đưa ra các cơ quan pháp luật có thẩm quyền giải quyết.

Điều 76. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp nội bộ là tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý khác.
2. Mọi tranh chấp nội bộ phải được các bên giải quyết thông qua hòa giải, thương lượng trên cơ sở Điều lệ này. Ban kiểm soát có trách nhiệm xem xét và giải quyết tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét, giải quyết.
3. Nếu tranh chấp không được giải quyết thông qua hòa giải thương lượng trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp nội bộ thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra các cơ quan pháp luật có thẩm quyền xét xử.
4. Mỗi bên tranh chấp tự chịu chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào chịu.

**CHƯƠNG X
TỔ CHỨC LẠI - KẾT THÚC HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

Điều 77. Tổ chức lại

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có thể đề nghị với Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức như chia Công ty, tách Công ty, hợp nhất Công ty, sáp nhập Công ty, chuyển đổi Công ty.
2. Trình tự và thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 78. Kết thúc hoạt động

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do Công ty bị lâm vào một trong các tình trạng sau đây:
 - Kinh doanh thua lỗ kéo dài trong ba năm liên tục hoặc bị lỗ tới 3/4 vốn điều lệ.
 - Gặp những khó khăn không thể vượt qua được; Mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được hoặc có những lý do đặc biệt khác để khẳng định việc kết thúc hoạt động của Công ty trước thời hạn là hợp lý.
3. Kết thúc hoạt động theo Điều 6 của Điều lệ này mà không tiếp tục gia hạn.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 79. Thanh lý tài sản

1. Trong trường hợp Công ty bị tuyên bố phá sản hoặc bị cấm hoạt động theo lệnh của Tòa án, việc giải quyết thanh lý tài sản của Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp Công ty tự tuyên bố chấm dứt hoạt động hoặc giải thể trước thời hạn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì Đại hội đồng cổ đông phải thành lập ngay Ban Thanh lý tài sản để tiến hành các công việc cần thiết trong vòng 6 (sáu) tháng kể từ khi có tuyên bố chấm dứt hoạt động hoặc giải thể. Ban thanh lý tài sản hoạt động theo quy chế hoạt động của Ban thanh lý tài sản đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các thành viên Ban thanh lý là cổ đông của Công ty và/hoặc chuyên gia độc lập.
3. Kể từ khi thành lập, Ban Thanh lý tài sản đại diện cho Công ty trước pháp luật về việc phân định trách nhiệm, xử lý tài sản, công nợ tồn đọng và giải quyết các vấn đề tồn tại khác liên quan đến quyền lợi của cổ đông dưới sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông.
4. Thời gian thanh lý và chi phí liên quan do Đại hội đồng cổ đông quy định.
5. Trong thời gian thanh lý, Ban Thanh lý tài sản có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản phải nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 80. Điều khoản thi hành

1. Công ty chính thức đi vào hoạt động khi Đại hội đồng cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau:
 - Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc có một hoặc vài tổ chức tài chính, tín dụng bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại;
 - Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
 - Đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ;
 - Đã giao quyền quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị;
 - Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành.
2. Mọi vấn đề phát sinh hoặc chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được giải quyết theo luật pháp hiện hành.

Điều 81. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc và đăng ký theo các quy định của luật pháp hiện hành.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của luật pháp hiện hành.

Điều 82. Thủ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Khi cần thiết phải sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị dự thảo sửa đổi, bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Các sửa đổi, bổ sung Điều lệ chỉ có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
3. Những sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận sẽ được chỉnh lý ngay tại Điều lệ để trở thành Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
4. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 83 Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 11 Chương và 84 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn thông qua và cùng chấp thuận toàn văn vào ngày 15 tháng 09 năm 2010 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty.
2. Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Điều lệ được lập thành 08 bản có giá trị như nhau, trong đó:
 - 01 bản đăng ký tại các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - 01 bản lưu trong hồ sơ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn.
 - Các bản còn lại được gửi cho các cổ đông sáng lập tham gia ký kết bản Điều lệ này.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản trích, bản sao và bản dịch phải có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền xác nhận.
6. Nếu có điểm mâu thuẫn giữa bản Điều lệ tiếng Việt và các bản dịch ra tiếng nước ngoài thì bản

Điều lệ tiếng Việt là bản có giá trị quyết định.

Điều 84. Quyền giải thích Điều lệ

Công ty giữ toàn quyền giải thích Điều lệ này.

Chữ ký của các cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật

STT	Tên cổ đông sáng lập/Người đại diện theo pháp luật	Chữ ký/ dấu
I	CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
1	Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	
a)	Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công Minh - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc	
b)	Người đại diện theo ủy quyền:	
	- Ông Lê Quang Nhật	
	- Ông Nguyễn Hữu Thành	
	- Bà Nguyễn Thị Phương Nga	
2	Nhà đầu tư chiến lược	
a)	Cty CP Vật Tư Nông Sản (APROMACO)	
	Người đại diện theo pháp luật: - Ông Nguyễn Tiến Dũng	
b)	Cty CP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	
	Người đại diện theo ủy quyền: - Ông Lý Thanh Tùng	
3	Thành viên Hội đồng quản trị	
	- Ông Lê Quang Nhật – Chủ tịch HĐQT	
	- Ông Nguyễn Hữu Thành	
	- Bà Nguyễn Thị Phương Nga	
	- Bà Trương Thu Hà	
	- Ông Nguyễn Tiến Dũng	

II	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	
	Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	
	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn:	
	- Ông Nguyễn Hữu Thành – Phó Chủ Tịch HĐQT	